

BÁO CÁO

Tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021

Công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đã được Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) triển khai thường xuyên nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo cho phù hợp; đồng thời hình thành hệ thống thu thập thông tin phản hồi của người học, cựu sinh viên.

Căn cứ công văn số 3973/BGDĐT-GDĐH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường ĐH GTVT báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác khảo sát và kết quả khảo sát như sau:

Công tác triển khai khảo sát:

Năm 2016, Trường ĐH GTVT đã ban hành quy định về việc khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp (Ban hành kèm theo quyết định số 153B/QĐ-ĐHGTVT ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH GTVT) và từ đó tiến hành khảo sát đều đặn theo chu kỳ thường niên. Năm 2018, Nhà trường cải tiến quy trình khảo sát bằng việc xây dựng hệ thống khảo sát online, phiếu khảo sát online đặt tại website cựu sinh viên <http://alumni.utc.edu.vn>. Hình thức khảo sát online thực sự mang lại hiệu quả, nhanh chóng, chính xác, thuận tiện nên nhận được sự hưởng ứng và ủng hộ của cựu sinh viên, giảng viên trong Nhà trường.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, Trường ĐH GTVT đã ra Thông báo số 895/TB-ĐHGTVT về việc khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp năm 2021, đối tượng khảo sát là các sinh viên tốt nghiệp tại Trường ĐH GTVT đợt Tháng 02/2021 và Tháng 8/2021.



Kết quả khảo sát:

Tổng số sinh viên tốt nghiệp ở cả 2 đợt là 2.458. Trong các sinh viên này Nhà trường đã tiến hành gửi thông tin khảo sát đến 2061 sinh viên (đạt 83,85%) đảm bảo đại diện cho đầy đủ các ngành đào tạo, đảm bảo tính đại diện cho số sinh viên tốt nghiệp về vùng miền, giới tính, độ tuổi.

Số sinh viên phản hồi có việc làm là 1.831, số sinh viên chưa có việc làm là 230. Như vậy, số sinh viên có việc làm đạt 88,83% số sinh viên phản hồi, trong đó số sinh viên có việc làm đúng hoặc liên quan đến ngành nghề đào tạo chiếm 79,8%. Chi tiết kết quả phản hồi theo từng ngành trong phụ lục 1, 2, 3 đính kèm.

Căn cứ vào kết quả khảo sát việc làm của sinh viên, Trường ĐH GTVT thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành nghề đào tạo năm 2022. Đồng thời lên kế hoạch đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm trong những năm tiếp theo.

Trong những năm tới, Nhà trường tiếp tục công tác khảo sát việc làm của sinh viên, trong đó tập trung đẩy mạnh và phát triển hệ thống khảo sát online, tăng cường môi liên hệ giữa Nhà trường, các đơn vị chức năng, các khoa chuyên môn và cố vấn học tập với cựu sinh viên.

Trên đây là báo cáo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2021 (có các phụ lục 1, 2, 3 kèm theo báo cáo này).

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét./.

Nơi nhận:

- Vụ GDDH-Bộ GD &ĐT (để b/c);
- TT hỗ trợ ĐT & Cung ứng nhân lực-Bộ GD &ĐT;
- Lưu HCTH, CTCT&SV.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

Mẫu số 1

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2021

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	52580207CTCQ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	699	26	620	20	260	137	171	17	35	94.35%	83.69%	76	455	25	12	
2	52520201	Kỹ thuật Điện - Điện tử	127	2	120	2	64	31	17	1	7	94.17%	88.98%	3	85	4	20	
3	52520207CQ	Kỹ thuật điện tử truyền thông	80	14	77	14	21	36	16	1	3	96.1%	92.5%	3	42	4	24	
4	52580205QT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	60	5	56	5	20	24	7	2	3	94.64%	88.33%	7	37	1	6	
5	52480201CQ	Công nghệ thông tin	163	23	154	23	128	19	4	1	2	98.7%	93.25%	35	99	7	10	
6	52580208QT	Kỹ thuật xây dựng	47	3	47	3	21	8	10	1	7	84.78%	84.78%	6	29	1	3	
7	52520206	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	104	5	97	4	20	48	18	1	10	89.69%	83.65%	3	67	2	14	
8	52580202	Kỹ thuật xây dựng	152	9	133	9	71	49	10	2	1	99.25%	86.84%	14	111	1	4	
9	52520103KTCKCQ	Kỹ thuật cơ khí	417	3	212	3	97	48	29	11	27	87.26%	44.36%	9	132	6	27	
10	7580205MM	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	47	5	47	5	15	15	8	2	7	85.11%	85.11%	2	35	1	0	

11	120820QT	Kinh tế xây dựng	34	18	34	18	10	12	6	1	7	85.29%	85.29%	8	20	0	0
12	111001	Quản trị kinh doanh	86	49	72	41	20	24	19	2	7	90.28%	75.58%	2	48	4	9
13	7580301M59,60	Kinh tế xây dựng	67	43	66	43	17	12	15	4	18	72.73%	71.64%	3	37	4	0
14	120720	Kinh tế vận tải	118	71	94	61	11	37	33	3	10	89.36%	71.19%	7	66	1	7
15	230410	Kỹ thuật môi trường	17	5	17	5	7	4	4	2	0	100%	100%	1	10	1	3
16	230510CQ	Công nghệ kỹ thuật giao thông	21	1	21	1	1	3	11	2	4	80.95%	80.95%	1	12	1	1
17	130120	Khai thác Vận tải	61	25	52	24	16	20	8	1	7	86.54%	73.77%	1	35	2	6
18	111810	Kế toán	93	89	76	75	40	14	12	3	7	90.79%	74.19%	2	56	4	4
19	52310101	Kinh tế	47	35	47	35	4	11	24	3	5	89.36%	89.36%	4	32	0	3
20	52340301QT	Kế toán	18	18	18	18	8	3	2	0	5	72.22%	72.22%	1	12	0	0
Tổng			2458	449	2060	409	851	555	424	60	170	88.83%	74%	188	1420	69	153

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long

Chú ý:

(2) (3) Mã, tên ngành Ghi đúng quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017, không viết tắt, không thêm dấu chấm, dấu phẩy ở cuối.

Ví dụ: (2) 7210234 (3) Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; mỗi ngành báo cáo tổng số cuối cùng trong một dòng, không báo cáo theo chuyên ngành (Các mã ngành CĐSP ghi theo quy định tại thông tư 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/05/2014 (văn bản hợp nhất), TCSP ghi theo quy định tại Thông tư 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/08/2011).

(4) (5) Ghi đủ số sinh viên tốt nghiệp của năm, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước.

(13) (14) SV có việc làm = Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm + Số sinh viên tiếp tục học.